

Bản án số: 02/2025/KDTM - PT

Ngày: 26-3-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 13/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 474/2024/QĐ-PT ngày 18/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Điện máy R. Địa chỉ: số b đường C, Phường m, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc H, chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền (độc lập hoặc đồng thời): Ông Nguyễn Tấn D, bà Đặng Thị Thanh Tr, ông Trần Việt C, bà Trần Thị Nguyệt L; cùng địa chỉ: số b đường C, Phường m, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Tr, bà L có mặt tại phiên tòa ngày 13/02/2025 và có đơn xin vắng mặt ngày 20/02/2025.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư T. Địa chỉ: h đường Q, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc L, chức vụ: Tổng Giám đốc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn H, bà Vũ Vân A, bà Đào Thị Bích T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: đường L, quận T, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP V Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở: số n Công trường M, phường B, Quận m, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn Công ty cổ phần Điện máy R và bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn Công ty cổ phần Điện máy R trình bày: Ngày 17/9/2019, Công ty Cổ phần Điện máy R (gọi tắt là “REE”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T (sau đây gọi tắt là “TSG”) đã ký Hợp đồng số 1709/2019/HĐ/TSG-R (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng 1709” để TSG (Bên giao thầu) giao cho R (Bên nhận thầu) thực hiện gói thầu Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống điều hòa không khí thuộc Dự án Palace Hotel Quang Bình (“Dự án”). Dự án có địa chỉ tại đường Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tổng giá trị Hợp đồng tại thời điểm ký kết là 17.500.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng*). Thời hạn thực hiện công việc là 150 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau khi ký kết Hợp đồng, ngày 30/9/2019 TSG đã thanh toán tạm ứng số tiền 5.250.000.000 đồng (tương đương với 30% tổng giá trị Hợp đồng) và ngày 13/5/2020 thanh toán tiếp số tiền 3.512.893.971 đồng (là một phần của giá trị khối lượng được nghiệm thu đợt 1 – IPC01). Tổng số tiền mà R đã được TGS thanh toán là: 8.762.893.971 đồng. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại thời điểm ký kết và thực hiện Hợp đồng ở giai đoạn đầu gây khó khăn cho việc điều động và sắp xếp công nhân, trang thiết bị, vật tư đến công trình thi công. Cùng với đó, các trở ngại phát sinh do một số vi phạm của Chủ đầu tư sau đó, như: chậm trễ phê duyệt hồ sơ thanh toán theo giai đoạn (IPC) và thanh toán theo quy định; chậm trễ xác nhận các hạng mục thay đổi, phát sinh theo tình hình thi công thực tế tại công trường và ký phụ lục hợp đồng; chậm trễ bàn giao lại các bản vẽ công trường có xác nhận của Chủ đầu tư để làm cơ sở cho việc thi công cũng như nghiệm thu thanh, quyết toán sau này; chậm trễ trong việc cung cấp hệ thống điện nguồn; không cung cấp kịp thời mặt bằng thi công (các khu vực công cộng tầng 1 và tầng 2 khối nhà hàng) theo Biên bản làm việc đã thống nhất vào ngày 27/7/2020; không/chậm phản hồi email xác nhận công việc hoặc cung cấp phòng máy để hoàn thiện công tác kết nối còn lại cho kết cấu bao che phòng máy tầng 4; tạm ngừng thực hiện Dự án mà không thông báo, kéo dài tiến độ dự án và chưa có kế hoạch triển khai lại Dự án sau kỳ nghỉ lễ, Tết...

Do những vấn đề trên, các bên phải ký 08 Phụ lục điều chỉnh tiến độ. Trong đó, Phụ lục số PL08-1709/2019/HĐ/TSG - R ký ngày 09/12/2022 điều chỉnh tiến độ đến 31/12/2023. Tuy điều chỉnh nhiều lần, nhưng TSG không thể hiện ý định tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Đặc biệt, cũng là vi phạm nghiêm trọng nhất từ phía TSG, là cho đến nay vẫn không phê duyệt và thanh toán hồ sơ thanh toán theo giai đoạn số 02 (IPC-02) -là khoản thanh toán cho khối lượng công việc Nhà thầu REE đã thực hiện từ năm 2020- được Nhà thầu đệ trình từ ngày 16/10/2020. IPC-02 có giá trị hoàn thành công việc theo Hợp đồng là số tiền 5.016.928.533 đồng (bao gồm VAT),

Toàn bộ hồ sơ thanh toán IPC02 (hồ sơ thanh toán đợt 2) nguyên đơn đã gửi cho bị đơn, có vận đơn gửi đi thể hiện đã gửi vào ngày 16/10/2020. Sau khi gửi hồ sơ thanh toán đợt 2 cho bị đơn nhưng không được bị đơn tiến hành tổ chức nghiệm

thu thanh toán thì đến ngày 11/11/2020 và các công văn sau đó, nguyên đơn tiếp tục gửi văn bản (chuyển phát nhanh) cho bị đơn với nội dung nhắc nhở, đề nghị bị đơn tổ chức nghiệm thu thanh toán đợt hai.

Theo khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng, Chủ đầu tư TSG phải thanh toán 70% giá trị thiết bị được nhập về công trình và 85% giá trị khối lượng thi công đã được hoàn thành tại công trình trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. Theo khoản 11.8 và 11.5 Điều 11, Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu và thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng 1709. Đồng thời, theo Điểm đ Khoản 2 Điều 112, Khoản 3 Điều 123 Luật Xây dựng 2014 và Điểm h Khoản 2 Điều 27, Khoản 4 Điều 7 Nghị định 37/0215/NĐ-CP, thì hồ sơ thanh toán theo khối lượng đợt 2 (IPC-02) đệ trình ngày 16/10/2020 được xem như đã được Chủ đầu tư - TSG nghiệm thu khối lượng. Như vậy, TSG có trách nhiệm phải thanh toán khối lượng IPC-02, số tiền là 4.175.412.178 đồng (bao gồm VAT), thời hạn thanh toán chậm nhất là 28/10/2020.

Do TSG chậm thanh toán số tiền trên, nên ngoài số tiền (nợ gốc) 4.175.412.178 đồng, TSG còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền chậm thanh toán. Theo Điều 10 Hợp đồng 1709, hai bên thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là lãi cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng của Nhà thầu (ngân hàng Vietcombank). Hiện nay, Vietcombank đang áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 9.5%. Mức lãi suất này cũng phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại 2005, khoản 1 Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 15/6/2023 (ngày khởi kiện) là: 1.057.771.085 đồng.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Điện máy R khởi kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T đề yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định:

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T thanh toán toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T còn nợ theo Hợp đồng cho Công ty Cổ phần Điện máy R, với số tiền tạm tính đến ngày 15/6/2023 (ngày khởi kiện) là: 5.233.183.263 đồng (bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi ba ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng), trong đó:

- + Tiền nợ gốc là: 4.175.412.178 đồng.

- + Tiền lãi chậm thanh toán tạm đến ngày 15/6/2023 (9.5%/năm) là: 1.057.771.085 đồng và buộc tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Chấm dứt hiệu lực của các Thư bảo lãnh sau do Ngân hàng TMCP V Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành, gồm:

- + Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số tham chiếu IGT1946533 phát hành ngày 20/9/2019 và Thư sửa đổi bảo lãnh thực hiện hợp đồng lần 07 phát hành ngày 28/12/2022;

- + Thư bảo lãnh tạm ứng số tham chiếu IGT1946584 phát hành ngày 20/9/2019 và Thư sửa đổi bảo lãnh tạm ứng lần 07 phát hành ngày 28/12/2022.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T trình bày:

Hiện tại, bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T chưa nhận được Hồ sơ thanh toán hợp lệ của nguyên đơn. Khối lượng thi công và vật tư thiết bị mà nguyên đơn nhập về tại công trường chưa được nghiệm thu theo trình tự của Hợp đồng (theo mục 5.3 hợp đồng) mà các bên đã ký kết. Vì vậy, chưa đủ điều kiện để bị đơn thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa đủ điều kiện để khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

Mặt khác, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án là vi phạm cam kết tại Điều 13 của Hợp đồng đã ký kết, cụ thể là hai bên chưa có thương lượng, chưa bàn bạc để tháo gỡ, khắc phục khó khăn mà tự ý khởi kiện T ra tòa là vi phạm về nguyên tắc làm việc, nguyên tắc giao kết hợp đồng và thiện chí cộng tác trong quá trình cùng nhau thực hiện hợp đồng. Việc nguyên đơn vừa có động thái thông báo sẽ tiếp tục gia hạn thư bảo lãnh nhưng vừa khởi kiện bị đơn ra Tòa là chưa trung thực trong hợp tác kinh doanh, chưa phù hợp để gọi nhau làm đối tác. Trong thời gian các bên không thực hiện hợp đồng, T phải thuê nhân công để bảo vệ tài sản, thiết bị vật tư của R thi công dở dang trên công trường trong khi các khối lượng, thiết bị này vẫn chưa được nghiệm thu hợp lệ.

Nguyên đơn cho rằng đã gửi cho bị đơn hồ sơ thanh toán đợt hai theo hình thức chuyển phát nhanh vào ngày 16/10/2020 nhưng phía bị đơn không nhận được nên không có cơ sở để đánh giá hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 2 của nguyên đơn gửi có hợp lệ theo các điều khoản về thanh toán trong Hợp đồng kinh tế các bên đã ký kết hay không. Căn cứ Hồ sơ thanh toán đợt 2 mà bị đơn có điều kiện tiếp cận tại hồ sơ vụ án tại Tòa án thì bị đơn khẳng định hồ sơ đề nghị thanh toán này chưa đủ điều kiện để thanh toán. Vì Hồ sơ chỉ được phía nguyên đơn ký và đóng dấu, chưa có chữ ký của Trưởng Ban điều hành công trình, Tư vấn giám sát và của Công ty T. Vì vậy, căn cứ Điều 5 của Hợp đồng thi công xây dựng số 1709/2019/HĐ/TSG-R đã ký kết giữa hai Công ty vào ngày 17/9/2019 thì hồ sơ đề nghị nghiệm thu thanh toán này của nguyên đơn là chưa hợp lệ nên chưa đủ điều kiện để bị đơn thanh toán. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn ngày 26/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Cầm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T yêu cầu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán số tiền theo các thư bảo lãnh. Ngày 13/7/2023, biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên bị hủy bỏ do có thông báo của Ngân hàng về việc các Thư bảo lãnh đã được hủy.

Ngày 24/7/2024, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chấm dứt hiệu lực của các thư bảo lãnh (thư bảo lãnh tạm ứng và thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

Ngày 06/10/2023, bị đơn có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Căn cứ về thời hạn phản tố của bị đơn, Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố và trả lại Đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn.

Ngày 09/11/2023, nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu TSG có nghĩa vụ thanh toán cho R số tiền tạm tính đến ngày 09/11/2023 là 12.060.193.533 đồng, gồm:

- Thanh toán hoàn trả tiền giữ lại của IPC-01: 2.205.583.736 đồng;
- Giá trị chưa thanh toán của IPC-02: 5.075.358.333 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán của IPC-01 và IPC-02 tạm tính đến ngày 09/11/2023: 1.504.174.128 đồng;
- Bồi thường thiệt hại do vi phạm đơn phương chấm dứt hợp đồng: 3.275.077.336 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư T:

Thanh toán hoàn trả tiền giữ lại của IPC-01 (gồm 30% giá trị phần vật tư thiết bị và 15% giá trị phần thi công), số tiền là 2.205.583.736 đồng và bồi thường thiệt hại do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái thỏa thuận và trái luật, số tiền 3.275.077.336 đồng.

Nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện:

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn T thanh toán một lần toàn bộ các khoản tiền có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Điện máy R, với số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2024 tổng số tiền là 4.246.708.705 đồng, trong đó:

- Giá trị còn lại chưa thanh toán (bao gồm VAT) để đạt được 100% khối lượng thi công hoàn thành của IPC-02 sau khi trừ đi tạm ứng là: 3.256.444.957 đồng.
- Tiền lãi chậm thanh toán của IPC-02 là 990.263.748 đồng.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 21/2024/DS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 165, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 138, 140, 144 và Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Công ty cổ phần Điện máy R về việc yêu cầu chấm dứt hiệu lực của các thư bảo lãnh (gồm thư bảo lãnh tạm ứng và thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và một phần yêu cầu khởi kiện về buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ phát sinh từ khối lượng thi công giai đoạn 2 số tiền là 986.474.558 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần điện máy R số tiền: **2.350.907.619 đồng** (Hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu, chín trăm linh bảy nghìn, sáu trăm mười chín đồng), gồm: Nợ gốc: 1.737.106.029 đồng (Một tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, một trăm linh sáu nghìn, không trăm hai mươi chín đồng)

và nợ lãi từ ngày 10/01/2021 đến ngày 29/9/2024 (lãi suất 9,5%/năm): 613.801.590 đồng (*Sáu trăm mười ba triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm chín mươi đồng*)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/10/2024, Công ty Cổ phần điện máy R kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Trường Sơn phải thanh toán 100% giá trị của IPC-02 với số tiền 4.426.708.705 đồng và lãi chậm thanh toán của số tiền nói trên.

Ngày 10/10/2024, Công ty T kháng cáo với nội dung Tòa cấp sơ thẩm tính khối lượng hoàn thành 60% đề tính 60% giá trị hợp đồng là chưa chính xác vì nội dung biên bản làm việc ngày 01/12/2020 chỉ mang tính ước lệ, chưa đo đếm được số lượng vật tư, thiết bị, hồ sơ chất lượng, hồ sơ để đảm bảo nghiệm thu là chưa có nên không đúng với hợp đồng, gây thiệt hại cho Công ty T. Việc tính tỷ lệ hoàn thành phải dựa trên giá trị hợp đồng trước thuế (chưa bao gồm VAT) với số tiền 15.909.090.909 đồng, đúng theo nội dung hợp đồng. Nếu tính tỉ lệ hoàn thành khối lượng là 60% thì phải tính 60% giá trị hợp đồng trước thuế, tức là bằng số tiền 9.545.454.545 đồng. Và căn cứ Điều 5 của Hợp đồng về tạm ứng, nghiệm thu và thanh toán hợp đồng thì chỉ được thanh toán 85% giá trị của 60% khối lượng công việc hoàn thành, thành tiền 8.113.636.364; Giá trị giữ lại bảo hành: 405.681.818 (= 5% x 8.113.636.364). Như vậy, giá trị khối lượng công việc của R đã thực hiện được 8.113.636.364 đồng - 405.681.818 = 7.707.954.545 đồng. Như vậy Công ty T đã chuyển tiền dư cho Công ty R với số tiền 1.054.939.376 đồng. Công ty T chưa nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán, hồ sơ chưa đủ điều kiện thanh toán.

Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo bị đơn để sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

2.1: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T vẫn khẳng định công ty chưa nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán giai đoạn 2 từ Công ty điện máy R, Hội đồng xét xử thấy: Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ngày 16/10/2020, Công

ty điện máy R đã gửi hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giai đoạn hai cho Công ty T. Công ty T cho rằng không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán là không có căn cứ bởi lẽ theo công văn phản hồi của Công ty T số 124/TSG-KHĐT ngày 18/11/2020 và công văn số 08/ TSG-KHĐT ngày 26/01/2021 đối với nguyên đơn có nội dung: Hồ sơ thanh toán đợt 2 của Công ty R chưa đủ điều kiện để thanh toán theo hợp đồng. Hồ sơ chưa được chủ đầu tư và các bên nghiệm thu ký xác nhận đảm bảo yêu cầu theo điều 5 Hợp đồng. Theo nội dung trên cho thấy Công ty T đã nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Công ty điện máy R.

[2.2] Về lý do Công ty T từ chối thanh toán do chưa được chủ đầu tư và các bên nghiệm thu thanh toán, Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 122 Luật xây dựng thì nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có quyền tham gia nghiệm thu. Trường hợp công ty giám sát kỹ thuật do chủ đầu tư chỉ định) không tham gia nghiệm thu thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 112, khoản 3 Điều 123 Luật xây dựng.

[2.3] Về mức thanh toán: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty T trình bày không chối bỏ khối lượng mà Công ty điện máy R đã đề trình. Theo công ty T thì khối lượng công việc R hoàn thành 60%. Tuy nhiên, Công ty R không chấp nhận và cho rằng, Công ty R đã hoàn thành đến 81% khối lượng xây lắp hoàn thành. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào khối lượng hoàn thành công việc do Công ty T nêu ra để làm căn cứ thanh toán là không đúng vì nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này thuộc về Công ty T do T đã vi phạm quy định về nghiệm thu thanh toán theo phân tích ở mục [2.2].

Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập hội đồng xem xét thẩm định và định giá. Kết quả xem xét thẩm định đã kết luận: hạng mục thi công lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và thông gió dự án Place Hotel Quảng Bình đã được thực hiện một phần khối lượng công việc, hiện trạng xây dựng dở dang và đã ngừng thi công. Về số lượng hàng hóa, thiết bị vật tư thuộc hạng mục thi công hệ thống điều hòa không khí và thông gió, Hội đồng không thể thực hiện kiểm tra về số lượng vì tất cả vật tư thiết bị ở vị trí che khuất (đã đóng trần) hoặc không thể tiếp cận được trực tiếp nên không xác định tài sản đề nghị định giá.

Quá trình Công ty điện máy R khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giai đoạn 2 thì tháng 10/2023, Công ty T đã ra thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng nên ngoài yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số tiền 4.246.708.705 (giá trị còn lại chưa thanh toán sau khi trừ tạm ứng 3.256.444.957 và lãi chậm thanh toán 990.263.748), công ty điện máy R còn yêu cầu công ty T phải hoàn trả khoản tiền công ty T giữ lại trong lần thanh toán đợt 1 là 2.205.583.736 đồng (30% giá trị thiết bị và 15% giá trị phần thi công). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự cho rằng phần này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên rút yêu cầu này và gửi đơn khởi kiện bằng một vụ án khác với khoản tiền 2.205.583.736 đồng. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thụ lý đơn, chưa thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đã nhất trí việc chấm dứt hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty R đã hoàn thành 60% khối lượng để tính 60% giá trị hợp đồng, các bên không kháng cáo đối với việc giải quyết hậu quả do chấm dứt

hợp đồng, chỉ tranh chấp về giá trị thanh toán. Công ty T vẫn chấp nhận thanh toán theo 85% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành nhưng cho rằng: 85% của 60% công việc đã làm để tính giá trị hợp đồng và phải tính giá trị trước thuế. Kháng cáo này không phù hợp, bởi mức 60% theo ước tính của Công ty T không được Công ty R chấp nhận và giá trị hợp đồng theo thoả thuận có ghi trong hợp đồng là phải bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Theo điểm a và điểm b khoản 5.2 Điều 5 thì bên A phải thanh toán cho bên B 70% giá trị thiết bị khi nhập về công trình được bên A nghiệm thu sau khi trừ tạm ứng và thanh toán 85% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành tính từ khi thi công đến thời điểm chấm dứt hợp đồng. Theo bảng kê khối lượng, Công ty R xuất trình (tại phiên toà, đại diện Công ty T không chối bỏ khối lượng này) thì Công ty R đã thực hiện: 14.222.922.666 đồng, trong đó phần thiết bị: 6.147.507.740 và phần vật tư nhân công là 8.077.414.924 đồng.

Theo các điều khoản thanh toán hợp đồng thì bên Công ty T phải thanh toán 70% giá trị thiết bị nhập về đưa vào xây lắp (theo biên bản nghiệm thu vật tư được đưa vào công trường thì công có Công ty T xác nhận) của 6.147.507.740 đồng là 4.303.255.418 đồng và 85% giá trị vật tư nhân công của 8.077.414.924 đồng là 6.865.802.685 đồng. Tổng phải thanh toán theo điều khoản hợp đồng là 11.169.085.103 đồng.

Giai đoạn 1, Công ty R thừa nhận Công ty T đã thanh toán 6.943.980.595 đồng, trong đó: Thanh toán thiết bị 3.888.029.068 đồng và thanh toán vật tư nhân công là 3.055.951.527 đồng. Công ty R còn giữ tạm ứng của Công ty T là 1.818.913.376 đồng, như vậy số tiền Công ty T đã thanh toán là 8.762.893.971 đồng phù hợp với lời trình bày của công ty T về việc đã thanh toán số tiền này cho Công ty R. Như vậy, số tiền còn lại phải thanh toán theo điều khoản hợp đồng là $11.196.058.103 - 8.762.893.971 \text{ đồng} = 2.406.164.132 \text{ đồng}$.

Về lãi chậm thanh toán: Theo điều 10, nếu bên A không chuyển tiền đúng tiến độ cho bên B theo Điều 6 của Hợp đồng thì phải trả lãi suất vay tại Ngân hàng của bên B nhưng thời hạn trả lãi chậm không được quá 60 ngày kể từ thời điểm phải thanh toán. Ngày bên B yêu cầu thanh toán là ngày bên giao thầu xác nhận khối lượng thanh toán (10/01/2021) đến ngày xét xử phúc thẩm là ngày 20/02/2025, thời gian tính lãi là 1.503 Ngày, lãi suất 9,5%/năm, thành tiền 954.344.849 đồng. Tổng số tiền buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty R là 3.360.508.982 đồng.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T về việc tính giá trị thanh toán 60% giá trị hợp đồng trước thuế và 85% của 60% giá trị xây lắp hoàn thành; không chấp nhận giữ lại số tiền 405.681.818 đồng tiền bảo hành công trình do không được nghiệm thu thanh toán hoàn thành và nội dung này, qua trình giải quyết ở sơ thẩm Công ty T không yêu cầu. Dự án chấm dứt từ năm 2020 nên theo Điều 7 của hợp đồng đã hết thời hạn bảo hành đối với công tác thi công lắp đặt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về giá trị thanh toán, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty T.

- Về án phí: Công ty Điện máy R không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Công ty T phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Sửa phần án phí KDTM sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Điện máy R, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư T, sửa bản án kinh doanh sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 138, 140, 144 và Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần điện máy R số tiền: **3.360.508.982** đồng gồm: Nợ gốc: 2.406.164.132 đồng và nợ lãi từ ngày 10/01/2021 đến ngày 20/02/2025 (lãi suất 9,5%/năm): 954.344.849 đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí KDTM phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà đã nộp tại biên lai số 0001416 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án thành phố Đồng Hới 300.000 đồng, số còn lại phải nộp tiếp. Công ty Cổ phần điện máy R không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm, được trả lại 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng số 0001428 ngày tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư T phải chịu 99.210.179 đồng; Công ty Cổ phần Điện máy R phải chịu 38.585.991 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 56.616.000 đồng tại Biên lai số 0001574 ngày 22/6/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

Sau khi đối trừ, Công ty Cổ phần điện máy R được nhận lại số tiền 18.030.009 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tỉnh Quảng Bình
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND huyện Quảng Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Từ Thị Hải Dương